

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

- Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:
 - Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
 - Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Đối với hợp đồng xây dựng giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời bốn điều kiện:
 - Tổng doanh thu của hợp đồng được tính toán một cách đáng tin cậy;
 - Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng;
 - Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.
- Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:
 - Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng;
 - Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
 - Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
 - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.
- Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

14. Các bên liên quan

- Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

15. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

- Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.
- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.
- Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý kinh doanh không trình bày vì công ty chỉ kinh doanh một ngành nghề.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác: theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	500.011.341	324.562.912
• Tiền mặt - VND	500.011.341	324.562.912
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.054.442.295	27.005.170.492
• Tiền gửi ngân hàng - VND	6.054.442.295	27.005.170.492
Cộng	<u>6.554.453.636</u>	<u>27.329.733.404</u>

02. Các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	29.000.000.000	20.000.000.000
• Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Phạm Ngọc Thạch	29.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	<u>29.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***03. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu xây dựng cơ bản	14.247.639.949	15.124.569.715
- Phải thu công tác thuê bao	38.382.911.306	7.916.858.507
- Phải thu CTY MTĐT	4.455.317.672	4.328.050.972
- Phải thu cho thuê mặt bằng	3.407.723.643	2.952.288.365
- Phải thu phí vệ sinh môi trường	541.027.973	409.880.936
- Phải thu Trung tâm tư vấn	-	45.775.900
- Phải thu trạm xăng dầu	-	1.308.980.666
- Phải thu đối tượng khác	599.280.756	21.067.822
Cộng	61.633.901.299	32.107.472.883

04. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Đầu tư xây dựng Thiên Đăng	-	855.348.032
- Công ty TNHH Viết Nam	203.944.863	247.475.558
- Công ty CP SX TM Sài Gòn	-	121.754.091
- Công ty TNHH TMDV Điện Mạnh Phương	194.253.510	-
- Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	-	-
- Công ty TNHH MTV TMDV An Gia Phú	131.123.656	-
- Công ty CP Tư vấn KD XD Nam Á	116.300.800	116.300.800
- Công ty TNHH Sài Gòn Ánh Ngọc	106.926.740	106.926.740
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Hoàng Giáp	501.409.958	174.449.632
- Công ty CP Gạch Thanh Bình	382.025.490	339.480.000
- Công ty TNHH TM DV Hiếu Hồng Hà	372.017.558	123.292.871
- Công ty CP SX TM VLXD Sài Gòn	434.545.292	145.909.100
- Công ty TNHH P.P.R	475.945.413	-
- Công ty TNHH TM VLXD Anh Quang	102.986.323	-
- Công ty TNHH TM DV XD VLXD Lạc Việt	217.120.000	-
- Cửa hàng hoa kiểng	509.966.306	341.825.600
- Công ty TNHH SX TM Duyên Tân	232.215.940	-
- Công ty CP VT TMXD CN Đức Long	210.218.182	-
- Các khách hàng khác	1.073.423.413	994.955.857
Cộng	5.264.423.444	3.567.718.281

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN**

(Đơn vị tính: VND)

05. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tạm ứng	11.030.875.013	8.594.521.986
- <i>Đội thi công số 1</i>	3.092.884.412	3.521.497.288
- <i>Đội thi công số 2</i>	320.304.217	-
- <i>Đội cây xanh số 1+2</i>	2.445.917.684	580.262.318
- <i>Đội dịch vụ đô thị</i>	4.731.238.092	3.552.085.131
- <i>Xưởng sửa chữa</i>	272.240.861	771.448.850
- <i>Đối tượng khác</i>	168.289.747	169.228.399
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.817.452.650	1.370.164.111
- <i>Bảo lãnh gói thầu CT xây dựng mới trường THCS Đặng Trần Côn</i>	898.247.700	-
- <i>Công trình nạo vét cống, hầm ga thoát nước duy tu dặm vá hèm, duy tu sơn đường, biển báo trên địa bàn quận 3 năm 2018</i>	285.000.000	-
- <i>Công trình chăm sóc bảo dưỡng công viên cây xanh trên địa bàn quận 4 năm 2018</i>	90.000.000	-
- <i>Nạo vét cống thoát nước trên địa bàn quận 4</i>	250.000.000	-
- <i>Bảo lãnh xây dựng mới trụ sở UBND Phường 11</i>	-	1.191.447.000
- <i>Bảo lãnh xây dựng mới trụ sở UBND Phường 1</i>	294.204.950	178.717.111
- Phải thu ngắn hạn khác	293.080.686	825.933.128
Cộng	13.141.408.349	10.790.619.225

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	28.007.554	46.163.692
- Công cụ, dụng cụ	24.312.350	14.252.350
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.819.524.798	5.748.690.294
- Hàng hoá	2.685.289.125	934.767.146
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	5.557.133.827	6.743.873.482

07. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế thu nhập cá nhân	253.617	253.617
- Nộp KHCB thu nhà kinh doanh SHNN	41.181.864	951.706.070
Cộng	41.435.481	951.959.687

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN**

(Đơn vị tính: VND)

08. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu dài hạn khác	2.645.307.555	2.665.807.555
• Giải tòa công trình Kênh Nhiều Lọc	2.167.971.657	2.167.971.657
• Giải tòa công trình Cống Bà Xếp	326.150.687	326.150.687
• Giải tòa các công trình khác	151.185.211	171.685.211
Cộng	<u>2.645.307.555</u>	<u>2.665.807.555</u>

09. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị Thành Phố	3.407.065.827	4.422.057.434
Cộng	<u>3.407.065.827</u>	<u>4.422.057.434</u>

- Căn cứ công văn số 379/MTĐT-KTTC ngày 13/04/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận đơn giá thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt năm 2014, 2015, 2016 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.081.662.078	276.277.841	22.095.561.852	585.162.550	25.038.664.321
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.081.662.078	276.277.841	22.095.561.852	585.162.550	25.038.664.321
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.713.938.788	212.582.410	13.561.825.229	437.998.270	15.926.344.697
Khấu hao trong năm	63.905.860	47.117.431	1.083.772.048	76.781.364	1.271.576.703
Tăng khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.777.844.648	259.699.841	14.645.597.277	514.779.634	17.197.921.400
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	367.723.290	63.695.431	8.533.736.623	147.164.280	9.112.319.624
Tại ngày cuối năm	303.817.430	16.578.000	7.449.964.575	70.382.916	7.840.742.921

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	388.604.624	431.809.518
- Máy móc thiết bị	134.925.538	134.925.538
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	12.740.313.397	9.882.656.934
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	354.818.459	354.818.459